

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Thu Hương	Chủ tịch
Ông Phan Lê Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lương Hoài Nam	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Võ Tá Quế	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/4/2016)
Ông Phạm Bích Vượng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2016)
Ông Đoàn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Lê Xuân Lộc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Ông Bùi Á Đông	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Khoa Năng Lưu	Thành viên
Bà Trần Thị Huyền Trân	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hiến Phụng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

3. Các hoạt động chính

Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa. Lưu giữ hàng hóa. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh bất động sản.

4. Trụ sở chính

30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 được trình bày từ trang 05 đến trang 27.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

9. Các cam kết khác

Công ty phải phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho Quân chủng Phòng không - Không quân cho giai đoạn từ năm 2014 đến 2057 theo hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không số 01/2015/PKKQ- SCSC tháng 01 năm 2015 giữa Công ty và Quân chủng Phòng không – Không quân.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời kỳ. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bằng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số: 236/BCSX - DFK

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (“Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

PHÓ GIÁM ĐỐC



HỒ ĐẶC HIỆU

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
A. Tài sản ngắn hạn	100		73.364.044.683	72.808.479.351
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	17.146.372.148	22.167.360.694
1. Tiền	111		17.146.372.148	22.167.360.694
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		54.548.938.829	49.508.580.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	50.186.526.486	31.907.902.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.227.847.887	985.535.860
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	2.184.743.269	16.665.321.328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.04	(50.178.813)	(50.178.813)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		1.589.709	336.299
1. Hàng tồn kho	141		1.589.709	336.299
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.667.143.997	1.132.201.714
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09a	1.667.098.542	1.132.201.714
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.455	
B. Tài sản dài hạn	200		823.797.038.989	849.476.557.361
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		3.291.565.000	3.286.565.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	3.291.565.000	3.286.565.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		639.852.442.096	660.289.395.304
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	593.102.067.291	609.792.720.903
- Nguyên giá	222		769.457.085.062	766.110.376.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.355.017.771)	(156.317.655.795)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	40.135.847.467	42.892.330.324
- Nguyên giá	225		64.851.658.199	64.851.658.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(24.715.810.732)	(21.959.327.875)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	6.614.527.338	7.604.344.077
- Nguyên giá	228		15.339.962.285	15.339.962.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.725.434.947)	(7.735.618.208)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230	V.08	110.396.040.398	113.695.542.763
1. Nguyên giá	231		143.178.724.287	143.178.724.287
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(32.782.683.889)	(29.483.181.524)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		70.256.991.495	72.205.054.294
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09b	67.869.455.569	69.817.518.368
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.387.535.926	2.387.535.926
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		897.161.083.672	922.285.036.712



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
C. Nợ phải trả	300		307.164.616.947	313.045.620.564
I. Nợ ngắn hạn	310		144.019.065.142	129.396.692.287
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.439.381.247	4.594.629.660
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		425.610.760	35.818.343
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	11.026.276.845	18.188.996.291
4. Phải trả người lao động	314		4.004.753.477	7.754.464.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.270.964.421	3.406.712.402
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	7.186.235.353	7.138.132.078
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	30.736.049.857	1.485.830.485
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	79.868.351.340	86.690.666.686
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		61.441.842	101.441.842
II. Nợ dài hạn	330		163.145.551.805	183.648.928.277
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	16.900.000.000	20.200.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	7.988.771.026	7.995.144.479
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	41.574.106.293	61.888.740.699
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.16	96.682.674.486	93.565.043.099
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.17	589.996.466.725	609.239.416.148
I. Vốn chủ sở hữu	410		589.996.466.725	609.239.416.148
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		480.000.000.000	480.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		408.100.000.000	408.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		71.900.000.000	71.900.000.000
2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		4.375.432.342	6.155.269.227
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.090.557.577	2.090.557.577
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103.530.476.806	120.993.589.344
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	5.734.440.742
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103.530.476.806	115.259.148.602
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		897.161.083.672	922.285.036.712

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Ngô Thị Anh Thư
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	219.114.159.603	147.952.828.644
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		219.114.159.603	147.952.828.644
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	54.013.780.353	45.891.034.784
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		165.100.379.250	102.061.793.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	706.783.909	185.162.918
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	7.564.793.666	15.027.422.051
- Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính và lãi nợ chuyển đổi	23		7.564.570.975	13.025.671.782
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	26.374.811.130	24.370.390.756
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		131.867.558.363	62.849.143.971
11. Thu nhập khác	31	VI.06	147.914.012	86.988.438
12. Chi phí khác	32	VI.07	940.083.283	672.568.831
13. Lợi nhuận khác (lỗ)	40		(792.169.271)	(585.580.393)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		131.075.389.092	62.263.563.578
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	14.544.911.630	7.731.148.360
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		116.530.477.462	54.532.415.218
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.537	1.026
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.462	1.045

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Ngô Thị Anh Thư
 Người lập biểu



Lê Xuân Lộc
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	131.075.389.092	62.263.563.578
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	27.083.163.937	27.114.582.122
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(309.805.644)	1.941.144.218
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(396.978.265)	(130.009.298)
Chi phí lãi vay	06	7.564.570.975	13.025.671.782
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	165.016.340.095	104.214.952.402
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(5.035.399.272)	(6.235.734.285)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(1.253.410)	(2.008.227)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.259.125.679)	(1.382.798.719)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1.413.165.971	1.289.847.180
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.620.513.742)	(13.348.074.781)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.119.164.767)	(7.411.994.405)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.644.590.000)	(1.600.001.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	126.749.459.196	75.524.188.116
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.346.708.364)	(654.169.510)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	396.978.265	130.009.298
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.949.730.099)	(524.160.212)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	-	104.437.772.423
Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.814.215.072)	(136.378.186.874)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(102.004.000.000)	(41.090.278.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(128.818.215.072)	(79.030.692.451)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.018.485.975)	(4.030.664.502)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.167.360.694	16.581.678.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.502.571)	16.228.134
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.146.372.148	12.567.242.510

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Ngô Thị Anh Thu
Người lập biểu

Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 480.000.000.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Saigon Cargo Service Corporation (Viết tắt: "SCSC").

Trụ sở chính đặt tại: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa. Kinh doanh bất động sản. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng - công nghiệp. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Lưu giữ hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Dạy nghề.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (hay còn gọi là lãi suất hiệu lực) được xác định là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 45 năm
Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, Dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 12 năm
Phần mềm vi tính	03 - 08 năm

Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Thời gian khấu hao của Tài sản thuê tài chính	10 - 15 năm
---	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Hiện tại, bất động sản đầu tư đang được Công ty ghi nhận và hạch toán theo giá trị sổ sách kế toán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Thời gian khấu hao của Nhà văn phòng

10 - 45 năm

Thời gian khấu hao của Sân đậu máy bay

10 - 20 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí bản quyền phần mềm vi tính
- Chi phí chờ phân bổ khác (chi phí bảo hiểm,...)
- Giá trị quyền khai thác khu đất
- Chi phí cải tạo, di dời văn phòng
- Phần chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê tài chính

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được trình bày trên báo cáo tài chính là doanh thu nhận trước bao gồm: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi)

Nợ chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn (quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu); phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu của nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị các cấu phần của nợ chuyển đổi được xác định như sau:

- Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi của khoản nợ) về giá trị hiện tại theo lãi suất của khoản nợ tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành nợ chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của khoản nợ tương tự, Công ty sử dụng lãi suất đi vay được sử dụng trong phần lớn các giao dịch trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.

- Giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ((trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

19. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số 41121000112, chứng nhận lần đầu ngày 20/4/2009, các văn bản pháp lý và công văn trả lời từ các cơ quan có liên quan, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2015 đến 2023 (Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50%). Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

21. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2016	01/01/2016
Tiền mặt	2.467.248.766	1.525.452.946
Tiền gửi ngân hàng	(*) 14.679.123.382	20.641.907.748
Cộng	17.146.372.148	22.167.360.694

(*) Trong đó, bao gồm số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 100,533.70 USD tương đương với 2.239.890.836 đồng.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/6/2016	01/01/2016
- Emirates Airlines	5.257.607.282	4.096.500.801
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất	-	3.527.185.257
- Công Ty Cổ Phần Vietjet Air Cargo	6.336.542.968	5.213.398.778
- AHK Air Hong Kong Ltd.	5.345.407.351	-
- Cathay Pacific Airways Ltd.	4.082.584.051	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	29.164.384.834	19.070.817.433
Cộng	(*) 50.186.526.486	31.907.902.269

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến hoạt động dịch vụ ga hàng hóa. Trong đó, bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 421,125.85 USD tương đương 9.382.683.938 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Phải thu khác	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Hải quan TP.HCM liên quan đến khoản thuế GTGT hàng nhập khẩu	22.689.241	-	22.689.241	-
- Phải thu thuế TNCN	165.554.856	-	337.833.450	-
- Phải thu liên quan đến cổ tức năm 2014 đã chi cho các cổ đông	-	-	15.963.034.820	-
- Các khoản tạm ứng	231.116.134	-	102.880.513	-
- Các khoản ký quỹ	1.549.789.200	-	-	-
- Phải thu khác	215.593.838	-	238.883.304	-
Cộng	2.184.743.269	-	16.665.321.328	-
b) Dài hạn				
- Ký quỹ thuê máy photocopy, thuê xe nâng, thuê xe taxi	49.000.000	-	44.000.000	-
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	3.242.565.000	-	3.242.565.000	-
Cộng	3.291.565.000	-	3.286.565.000	-

4. Nợ xấu	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm			CJSC			CJSC
	35.328.813	-	Aerosvit Airlines	35.328.813	-	Aerosvit Airlines
	14.850.000	-	Công ty TNHH Phi Bo	14.850.000	-	Công ty TNHH Phi Bo
	50.178.813	-		50.178.813	-	

5. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
01/01/2016	456.636.074.801	237.103.974.533	39.332.711.425	28.504.396.828	4.533.219.111	766.110.376.698
Tăng	-	-	3.288.660.364	58.048.000	-	3.346.708.364
Giảm	-	-	-	-	-	-
30/6/2016	456.636.074.801	237.103.974.533	42.621.371.789	28.562.444.828	4.533.219.111	769.457.085.062



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2016	58.612.235.711	64.614.309.206	18.293.883.769	12.957.894.885	1.839.332.224	156.317.655.795
Tăng	7.911.464.347	8.057.722.290	2.373.799.960	1.524.375.238	170.000.141	20.037.361.976
Giảm	-	-	-	-	-	-
30/6/2016	66.523.700.058	72.672.031.496	20.667.683.729	14.482.270.123	2.009.332.365	176.355.017.771
Giá trị còn lại						
01/01/2016	398.023.839.090	172.489.665.327	21.038.827.656	15.546.501.943	2.693.886.887	609.792.720.903
30/6/2016	390.112.374.743	164.431.943.037	21.953.688.060	14.080.174.705	2.523.886.746	593.102.067.291

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay là 168.932.644.059 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.277.625.847 đồng.

6. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2016	61.058.712.000	3.792.946.199	64.851.658.199
30/6/2016	61.058.712.000	3.792.946.199	64.851.658.199
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2016	20.469.517.736	1.489.810.139	21.959.327.875
Khấu hao trong kỳ	2.566.835.550	189.647.307	2.756.482.857
30/6/2016	20.469.517.736	1.489.810.139	24.715.810.732
Giá trị còn lại			
01/01/2016	40.589.194.264	2.303.136.060	42.892.330.324
30/6/2016	40.589.194.264	2.303.136.060	40.135.847.467

* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: thuyết minh tại mục V.10

7. Tài sản cố định vô hình (phần mềm vi tính)

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
Nguyên giá	15.339.962.285	-	-	15.339.962.285
Giá trị hao mòn lũy kế	7.735.618.208	989.816.739	-	8.725.434.947
Giá trị còn lại	7.604.344.077			6.614.527.338

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Bất động sản đầu tư

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	143.178.724.287	-	-	143.178.724.287
- Nhà văn phòng	44.825.141.182	-	-	44.825.141.182
- Sân đậu máy bay	98.353.583.105	-	-	98.353.583.105
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	29.483.181.524	3.299.502.365	-	32.782.683.889
- Nhà văn phòng	5.512.607.732	581.305.766	-	6.093.913.498
- Sân đậu máy bay	23.970.573.792	2.718.196.599	-	26.688.770.391
Giá trị còn lại	113.695.542.763			110.396.040.398
- Nhà văn phòng	39.312.533.450			38.731.227.684
- Sân đậu máy bay	74.383.009.313			59.622.355.421

9. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	30/6/2016	01/01/2016
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	765.045.559	860.625.895
- Chi phí bản quyền phần mềm vi tính chờ phân bổ	522.667	50.180.667
- Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	240.251.438	221.395.152
- Chi phí cải tạo và di dời văn phòng	440.505.848	-
- Chi phí đồng phục 2016	197.840.382	-
- Chi phí chờ phân bổ khác	22.932.648	-
Cộng	1.667.098.542	1.132.201.714

b) Dài hạn

- Chi phí công cụ; dụng cụ chờ phân bổ	816.715.375	1.528.273.374
- Giá trị quyền khai thác khu đất (*)	61.384.013.606	62.117.687.075
- Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	5.416.604.588	5.730.344.419
- Chi phí chờ phân bổ khác (chi phí bảo hiểm tài sản, bảo trì...)	252.122.000	441.213.500
Cộng	67.869.455.569	69.817.518.368

(*) Giá trị quyền khai thác khu đất 14,3 ha tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM), theo biên bản thỏa thuận góp vốn từ Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa Máy bay A41), với tổng chi phí thuê là 71.900.000.000 đồng theo giá quy định hiện hành của Nhà nước, ổn định trong 15 năm, 05 tháng đầu / thời hạn 49 năm của dự án. Công ty đang tiến hành phân bổ theo thời gian của dự án "Trung tâm Dịch vụ Hàng Hóa Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất" là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 20/4/2009).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
- Nợ dài hạn đến hạn trả của:						
+ Vay dài hạn	74.690.666.686	74.690.666.686	-	-	67.868.351.340	67.868.351.340
+ Nợ thuê tài chính	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	86.690.666.686	86.690.666.686	-	-	79.868.351.340	79.868.351.340
b) Dài hạn						
- Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Á Châu						
- Từ 1 năm trở xuống	74.690.666.686	74.690.666.686			67.868.351.340	67.868.351.340
- Trên 1 năm đến 5 năm	37.890.144.309	37.890.144.309	-	21.136.949.752	23.575.509.903	23.575.509.903
Cộng	112.580.810.995	112.580.810.995	-	21.136.949.752	91.443.861.243	91.443.861.243
- Nợ thuê tài chính:						
Thời hạn		Thời kỳ trước			Thời kỳ này	
	Nợ thuê tài chính tại ngày 01/01/2016	Lãi thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính tại ngày 30/6/2016	Lãi thuê tài chính đã trả trong kỳ	Nợ thuê tài chính đã trả trong kỳ
- Từ 1 năm trở xuống	12.000.000.000		6.000.000.000	12.000.000.000		6.000.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	23.998.596.390	1.894.940.778	-	17.998.596.390	1.404.940.345	-
Cộng	35.998.596.390	1.894.940.778	6.000.000.000	29.998.596.390	1.404.940.345	6.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(86.690.666.686)			(79.868.351.340)		
Cộng vay và nợ dài hạn (b)	61.888.740.699			41.574.106.293		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch 2:

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 60866429 ngày 15/6/2009 với hạn mức tín dụng được cấp là 480.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa với trị giá ước tính 630 tỷ đồng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng trị giá ước tính 266 tỷ đồng. Dư nợ vay tại ngày 30/6/2016 là **71.746.554.788 đồng** bao gồm 57.795.794.904 đồng và 624,474.48 USD tương đương 13.950.759.884 đồng. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 57.795.794.904 đồng và 186,953.40 USD tương đương 4.176.538.956 đồng.

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 97705549 ngày 06/10/2010 với hạn mức được cấp là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay đến hết ngày 25/6/2019, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là: đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất; Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (01 xe nâng Dầu Diesel Komatsu, 111 xe nâng hàng Dolly/Trolley, 06 chiếc xe nâng). Dư nợ vay tại ngày 30/6/2016 là 881,705.75 USD tương đương **19.697.306.455 đồng**. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 263,922.00 USD tương đương 5.896.017.480 đồng.

Nợ thuê tài chính liên quan đến hợp đồng thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo hai hợp đồng thuê:

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC-SCSC ngày 27/12/2011, với số tiền được giải ngân là 49.726.525.357 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2016 là **25.105.868.662 đồng**. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 10.105.868.661 đồng.

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC ngày 01/02/2012, với số tiền được giải ngân là 10.272.071.033 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2016 là **4.892.727.728 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.894.131.339 đồng.

11. Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- CN Tổng Công ty Hàng không VN	4.752.403.047	4.752.403.047	543.851.869	543.851.869
- Công ty TNHH Vận tải Sao Xanh	615.137.699	615.137.699	496.575.391	496.575.391
- Công ty CP Chuyển phát nhanh Hàng hóa Sài Gòn	2.734.545.001	2.734.545.001	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.337.295.500	1.337.295.500	3.554.202.400	3.554.202.400
Cộng	9.439.381.247	9.439.381.247	4.594.629.660	4.594.629.660

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2016
- Thuế GTGT	2.749.008.372	12.487.013.978	12.894.927.464	2.341.094.886
- Thuế TNDN	15.176.009.140	14.544.911.630	21.119.164.767	8.601.756.003
- Thuế TNCN	263.978.779	993.647.610	1.174.200.433	83.425.956
- Thuế và các khoản phải nộp khác	-	62.036.615	62.036.615	-
Cộng	18.188.996.291	28.087.609.833	35.250.329.279	11.026.276.845

13. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

	30/6/2016	01/01/2016
- Chi phí lãi vay ngân hàng, lãi thuê tài chính còn phải trả	223.116.974	299.032.152
- Lãi nợ chuyển đổi phải trả	119.709.331	2.437.717.333
- Chi phí tư vấn nợ chuyển đổi phải trả	100.000.000	100.000.000
- Chi phí phải trả khác (chủ yếu là tiền điện)	828.138.116	569.962.917
Cộng	1.270.964.421	3.406.712.402

14. Phải trả khác

a) Ngắn hạn

	30/6/2016	01/01/2016
- Kinh phí công đoàn	154.767.800	411.044.603
- Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	879.251.550	-
- Cổ tức còn phải trả	26.663.757.780	-
- Lợi nhuận năm 2016 còn phải trả cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41	3.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.272.727	1.074.785.882
Cộng	30.736.049.857	1.485.830.485

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.988.771.026	7.995.144.479
--------------------------------	----------------------	----------------------

15. Doanh thu chưa thực hiện

a) Ngắn hạn

	30/6/2016	01/01/2016
- Doanh thu nhận trước liên quan đến cho thuê văn phòng,...	586.235.353	538.132.078
- Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc cho Tổng Công ty Hàng không miền Nam thuê sân đậu máy bay (phần ngắn hạn)	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	7.186.235.353	7.138.132.078

b) Dài hạn

- Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc cho Tổng Công ty Hàng không miền Nam thuê sân đậu máy bay (phần dài hạn)	16.900.000.000	20.200.000.000
--	-----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi):

(Là khoản nợ chuyển đổi theo các hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-01/04/2015 ngày 09/4/2015 và SCSC-02/04/2015 ngày 10/4/2015)	30/6/2016	01/01/2016
- Giá trị gốc vay	97.944.000.000	97.944.000.000
- Cấu phần vốn	(4.375.432.342)	(6.155.269.227)
- Phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa	3.158.551.272	1.845.756.770
- Chi phí phát hành nợ chuyển đổi	(100.000.000)	(100.000.000)
- Phân bổ chi phí phát hành nợ chuyển đổi trong kỳ	55.555.556	30.555.556
Cộng	96.682.674.486	93.565.043.099

Nợ chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ:

- Kỳ hạn gốc: 24 tháng và kỳ hạn còn lại từng khoản nợ chuyển đổi: 10,5 tháng;
- Tổng giá trị khoản nợ chuyển đổi: 97.944.000.000 đồng (*);
- Lãi suất của khoản nợ chuyển đổi: 4%/năm;
- Giá chuyển đổi: 12.000 đồng;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng khoản nợ chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc: 97.944.000.000 đồng; Giá trị phần quyền chọn cổ phiếu của từng khoản nợ chuyển đổi: 4.375.432.342 đồng.

(*). Trong đó, bao gồm 60% giá trị khoản nợ chuyển đổi tương ứng là 58.766.400.000 đồng đang được tiến hành các thủ tục pháp lý để chuyển đổi thành cổ phiếu với giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phiếu.

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	480.000.000.000	-	-	480.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	6.155.269.227	-	6.155.269.227
Các quỹ	1.104.557.577	986.000.000	-	2.090.557.577
LNST chưa phân phối	8.320.441.742	135.259.148.602	22.586.001.000	120.993.589.344
Cộng	489.424.999.319	609.239.416.148	22.586.001.000	609.239.416.148
	01/01/2016	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	30/6/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	480.000.000.000	-	-	480.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	6.155.269.227	-	1.779.836.885	4.375.432.342
Các quỹ	2.090.557.577	-	-	2.090.557.577
LNST chưa phân phối	120.993.589.344	116.530.477.462	133.993.590.000	103.530.476.806
Cộng	609.239.416.148	116.530.477.462	135.773.426.885	589.996.466.725

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Đăng ký kinh doanh lần đầu		Vốn góp thực tế tại ngày 30/6/2016	
	Số tiền	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số tiền
Tổng Công ty Cảng HK Việt Nam	75.000.000.000	25%	16%	75.000.000.000
Công ty CP Gemadept	69.000.000.000	23%	29%	141.250.000.000
Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa Máy bay A41) (*)	72.000.000.000	24%	15%	72.025.000.000
Công ty Đầu tư Nam Phú Quốc tế	33.000.000.000	11%	11%	53.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Á Châu	27.000.000.000	9%	13%	63.750.000.000
Công ty CP Sóng Việt	24.000.000.000	8%	0%	-
Các cổ đông khác	-	-	16%	74.975.000.000
Cộng	300.000.000.000	100%	100%	480.000.000.000

(*) Tổng trị giá góp vốn của Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 là 72.025.000.000 đồng, bao gồm: 125.000.000 đồng (tương đương 12.500 cổ phần phổ thông) góp bằng tiền mặt và 71.900.000.000 đồng (tương đương 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức) góp bằng quyền khai thác khu đất 14,3 ha tại số 06, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM (Nay là khu đất tại địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM) theo Quyết định số 544/QĐ-TL của Bộ Tư Lệnh PK-KQ ngày 03/4/2008.

c) Cổ phiếu

	30/6/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.000.000	48.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	48.000.000	48.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.810.000	40.810.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	7.190.000	7.190.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.000.000	48.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.810.000	40.810.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	7.190.000	7.190.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

d) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ do:

- Chia cổ tức năm 2014 và 2015 (29%)	118.349.000.000
- Chi khen thưởng năm 2015	2.644.590.000
- Phân phối một phần lợi nhuận năm 2016 cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (Thuyết minh tại Mục số 1 - Phần VII)	13.000.000.000
Cộng	133.993.590.000

e) Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu giảm trong kỳ do xác định lại phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa đối với phần nợ dự kiến sẽ chuyển đổi sau một năm (tính đến ngày 21/5/2016) (Thuyết minh V.16*).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	30/6/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại: - USD:	100,533.70	125,265.48

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Thời kỳ này)	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 (Thời kỳ trước)
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu khai thác nhà ga	199.347.200.696	129.096.917.022
- Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay	3.489.673.421	3.510.389.865
- Doanh thu cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	16.202.873.349	15.194.093.720
- Doanh thu khác	74.412.137	151.428.037
Cộng	219.114.159.603	147.952.828.644
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn khai thác nhà ga	47.677.046.065	39.759.786.762
- Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay	3.114.380.271	3.114.380.273
- Giá vốn từ hoạt động cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	3.165.492.157	2.941.429.035
- Giá vốn khác	56.861.860	75.438.714
Cộng	54.013.780.353	45.891.034.784
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	396.978.265	130.009.298
- Lãi chênh lệch tỷ giá	309.805.644	55.153.620
Cộng	706.783.909	185.162.918
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	3.332.664.362	10.376.303.079
- Chi phí lãi thuê tài chính	1.239.946.778	1.894.940.778
- Lãi của khoản nợ chuyển đổi	2.991.959.835	754.427.925
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	222.691	1.996.194.713
- Chi phí tài chính khác	-	5.555.556
Cộng	7.564.793.666	15.027.422.051

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý	11.394.815.625	11.097.726.074
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	2.326.179.157	1.915.963.766
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.332.012.095	3.487.365.250
- Thuế, phí và lệ phí	44.318.687	56.096.403
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.367.385.310	5.192.174.625
+ Chi phí tiền điện	4.589.901.870	3.770.549.856
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.777.483.440	1.421.624.769
- Chi phí khác bằng tiền	3.031.245.773	2.654.625.844
Cộng	26.495.956.647	24.403.951.962
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Giảm chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	(107.080.000)	-
- Các khoản ghi giảm khác	(14.065.517)	(33.561.206)
Cộng	(121.145.517)	(33.561.206)
Cộng (a) và (b)	26.374.811.130	24.370.390.756
6. Thu nhập khác		
- Thu nhập từ phạt vi phạm	39.200.000	-
- Thu nhập từ bán gỗ vụn (pallet)	80.000.000	-
- Thu nhập khác	28.714.012	86.988.438
Cộng	147.914.012	86.988.438
7. Chi phí khác		
- Thù lao HĐQT và BKS	648.000.000	330.000.000
- Chi phí phạt về thuế	107.999.753	736.308
- Chi phí khác	184.083.530	341.832.523
Cộng	940.083.283	672.568.831
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	14.973.460.435	5.528.966.119
- Chi phí nhân công	26.788.796.209	21.569.298.293
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.083.163.937	27.161.573.665
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.592.833.282	10.748.759.299
- Chi phí khác bằng tiền	3.037.660.256	2.712.622.247
Cộng	80.475.914.119	67.721.219.623

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	131.075.389.092	62.263.563.578
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.328.083.623	672.568.831
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính:	133.403.472.715	62.936.132.409
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động nhà ga	121.357.829.128	-
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác	12.045.643.587	62.936.132.409
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.680.694.543	13.845.949.130
Thuế TNDN được giảm	(12.135.782.913)	(6.114.800.770)
Thuế TNDN phải nộp ước tính	14.544.911.630	7.731.148.360

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	116.530.477.462	54.532.415.218
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	13.000.000.000	12.644.590.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	103.530.477.462	41.887.825.218
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.810.000	40.810.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.537	1.026

(*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận là do phân phối một phần lợi nhuận trong kỳ cho Quỹ chung Phòng không - Không quân là 13 tỷ đồng và chưa bao gồm việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2016.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	103.530.477.462	41.887.825.218
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	2.991.959.835	754.427.925
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	106.522.437.297	42.642.253.143
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.810.000	40.810.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	4.897.200	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	43.258.600	40.810.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.462	1.045

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

- Công ty đang tiến hành các thủ tục nhằm chuyển đổi 60% giá trị khoản nợ chuyển đổi tương ứng là 58.766.400.000 đồng thành cổ phiếu với giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phiếu. (Thuyết minh tại mục V.16*)

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Các cam kết khác

Công ty phải phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho Quân chủng Phòng không - Không quân cho giai đoạn từ năm 2014 đến 2057 theo hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không số 01/2015/PKKQ- SCSC tháng 01 năm 2015 giữa Công ty và Quân chủng Phòng không - Không quân.

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Hội đồng Quản trị và BKS		Thù lao	648.000.000
Ban Giám đốc		Thu nhập	2.762.273.900
Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41	Cổ đồng	Trả một phần lợi nhuận năm 2016	13.000.000.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào cung cấp dịch vụ tại một môi trường kinh tế.

Ngô Thị Anh Thư
Người lập biểu

Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016